

CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ AN SINH XÃ HỘI CỦA TRUNG QUỐC THỜI HẬU WTO

DƯƠNG NGHI DŨNG – HÌNH VĨ

Sở Nghiên cứu Kinh tế

Ủy ban Cải cách và Phát triển quốc gia Trung Quốc

Gia nhập WTO không chỉ có ảnh hưởng to lớn và sâu sắc đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của Trung Quốc, mà còn gây nên sự mất cân bằng trong xã hội. Cụ thể là trong lĩnh vực an sinh xã hội, căn cứ theo yêu cầu của WTO về thể chế kinh tế thị trường hoàn thiện và những cơ chế thích ứng với nó, có thể nói gia nhập WTO đưa đến thách thức nhiều hơn cơ hội cho hệ thống an sinh xã hội hiện hành của Trung Quốc. Cho đến nay, Trung Quốc đã tiến hành một loạt điều chỉnh và cải cách đối với hệ thống an sinh xã hội, xét trong một mức độ nhất định, những cải cách đó đều có mối liên hệ với việc gia nhập WTO, có nghĩa là những cải cách đó nhằm thích ứng một cách tích cực với nhu cầu phát triển quốc tế hoá và toàn cầu hoá. Cải cách chế độ an sinh xã hội đã đạt được nhiều kinh nghiệm thực tiễn phong phú, tuy nhiên

vẫn còn tồn tại một số vấn đề cần giải quyết kịp thời, đó cũng sẽ trở thành trọng điểm công tác của quá trình hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội trong khoảng thời gian trước mắt và sau này.

I. CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ AN SINH XÃ HỘI CỦA TRUNG QUỐC SAU KHI GIA NHẬP WTO

Sau khi gia nhập WTO, Trung Quốc đã tiến hành nhiều cải cách và điều chỉnh trong lĩnh vực an sinh xã hội.

1. Cải cách chế độ bảo hiểm dưỡng lão

Trong lĩnh vực bảo hiểm dưỡng lão, tiếp tục hoàn thiện chế độ bảo hiểm dưỡng lão cơ bản của công nhân viên các doanh nghiệp trong các thành phố, thị trấn; tiến hành nghiên cứu thí điểm chế độ bảo hiểm dưỡng lão xã hội ở khu vực nông thôn. *Một là*, tiếp tục mở rộng diện bao phủ của bảo hiểm dưỡng lão cơ bản

công nhân viên các doanh nghiệp trong các thành phố, thị trấn, nâng cao tỉ lệ tham gia đóng bảo hiểm của các thành phần kinh tế phi quốc hữu, đồng thời từng bước thu nhận thêm các hộ công thương cá thể và những người lao động tự do, bên cạnh đó làm linh hoạt những phương thức đóng phí bảo hiểm dưỡng lão. *Thứ hai*, không ngừng nâng cao mức độ đãi ngộ bảo hiểm dưỡng lão cơ bản, giảm bớt những tổn thất gây ra do vật giá leo thang và sự gia tăng mức lương trung bình xã hội cho thu nhập của người già, người về hưu, đồng thời cố gắng phân chia thành quả phát triển kinh tế xã hội. *Thứ ba*, thí điểm thực hiện chế độ tài khoản tiền dưỡng lão cá nhân, bổ sung lỗ hổng ngân sách dẫn đến tình trạng nợ tiền dưỡng lão (tiền lương hưu) tiềm ẩn, nhằm đối phó với nhu cầu già hoá nhân khẩu, đồng thời hạ thấp rủi ro chi phí tiền dưỡng lão trong tương lai. *Thứ tư*, khuyến khích xây dựng chế độ quỹ tài chính hàng năm của doanh nghiệp, cho phép các doanh nghiệp và công nhân viên của các doanh nghiệp đó tự nguyện xây dựng quỹ tài chính hàng năm trên cơ sở căn cứ theo luật tham gia bảo hiểm dưỡng lão cơ bản, nhằm xây dựng chế độ bảo hiểm dưỡng lão nhiều tầng bậc, từ đó bảo đảm tốt hơn cuộc sống của công nhân viên chức các doanh nghiệp sau khi về hưu. *Thứ năm*, thăm dò nghiên cứu xây dựng chế độ bảo hiểm dưỡng lão xã hội tại khu vực nông thôn, trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm lịch sử, cho phép các địa phương

căn cứ vào thực lực kinh tế của mình đóng góp vào nguồn tài chính công, đẩy mạnh xây dựng và phát triển chế độ bảo hiểm dưỡng lão xã hội ở nông thôn, thực hiện kết hợp bảo hiểm xã hội với bảo hiểm đất đai.

Tính đến cuối năm 2006, số người tham gia bảo hiểm dưỡng lão cơ bản ở thành phố và thị trấn trên toàn quốc là 187,66 triệu người, tăng 12,79 triệu người so với cuối năm trước. Trong đó công nhân viên chức tham gia đóng bảo hiểm là 141,31 triệu người, cán bộ hưu trí tham gia đóng bảo hiểm là 46,35 triệu người, tăng 10,11 triệu người và 2,68 triệu người so với cuối năm trước. Số nông dân ra thành phố làm thuê tham gia bảo hiểm dưỡng lão cơ bản cuối năm là 14,17 triệu người. Doanh nghiệp tham gia đóng bảo hiểm dưỡng lão cơ bản cuối năm cho người lao động là 168,57 triệu người, tăng 11,41 triệu người so với cuối năm trước. Tổng thu nhập của ngân sách bảo hiểm dưỡng lão cơ bản ở thành phố và thị trấn cả năm là 631 tỷ NDT, tăng 23,9% so với năm trước; tổng chi tiêu ngân sách cả năm là 489,7 tỷ NDT, tăng 21,2% so với năm trước. Số dư ngân sách dành cho bảo hiểm dưỡng lão cuối năm là 548,9 tỷ NDT. Cuối năm cả nước có 24 nghìn doanh nghiệp xây dựng quỹ tài chính hàng năm, số công nhân viên nộp phí là 9,64 triệu người, số dư cuối năm ngân sách quỹ tài chính hàng năm của doanh nghiệp là 91 tỷ NDT. Số người tham gia bảo hiểm dưỡng lão nông thôn trong

toàn quốc là 53,74 triệu người, tổng cộng cả năm có 3,55 triệu nông dân nhận được tiền dưỡng lão (lương hưu), tăng 530 nghìn người so với năm trước, chi trả cho tiền dưỡng lão trong cả nước là 3 tỷ NDT, số dư ngân sách chi cho bảo hiểm dưỡng lão nông thôn cuối năm là 35,4 tỷ NDT.

2. Cải cách chế độ bảo hiểm y tế

Trong lĩnh vực bảo hiểm y tế, cùng với việc tiếp tục thúc đẩy chế độ bảo hiểm y tế công nhân viên cơ bản ở các thành phố, thị trấn, nghiên cứu xây dựng chế độ y tế hợp tác nông thôn loại hình mới, đồng thời triển khai thí điểm chế độ bảo hiểm y tế cơ bản của người dân trong các thành phố, thị trấn. *Một là*, từng bước cải cách chế độ y tế công phí của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp để tiến hành thuận lợi và nâng cao hiệu suất vận hành của cải cách chế độ bảo hiểm y tế, thống nhất công nhân viên chức trong các thành phố thị trấn vào trong bảo hiểm y tế cơ bản; tiến hành cải cách liên thông chế độ bảo hiểm y tế, chế độ quản lý bệnh viện và chế độ lưu thông phân phối dược phẩm, thuốc men để nâng cao khả năng phòng chống rủi ro, bệnh tật và tăng cường sức khỏe cho các công nhân viên chức trong các thành phố, thị trấn. *Hai là*, nghiên cứu xây dựng chế độ y tế hợp tác nông thôn loại hình mới, nông dân tự nguyện tham gia, nhà nước, tập thể và cá nhân cùng góp vốn, chú trọng đến những bệnh hiểm nghèo, nâng cao điều kiện vệ sinh y tế của người dân nông thôn. *Ba là*, triển khai thí điểm bảo

hiểm y tế cơ bản của cư dân trong các thành phố, thị trấn, năm 2007, trong các tỉnh có điều kiện chọn ra từ 2 đến 3 thành phố để làm thí điểm, phấn đấu đến năm 2009 sẽ có trên 80 thành phố thực hiện thí điểm, năm 2010 cả nước mở rộng triển khai thực hiện chế độ bảo hiểm y tế cơ bản, từng bước bao phủ cả những đối tượng không đi làm trong thành phố, thị trấn. Trong quá trình thí điểm, kiên trì nguyên tắc tự nguyện, bảo đảm có trọng điểm nhu cầu khám chữa bệnh của những người không đi làm trong các thành phố, thị trấn, xác định một cách hợp lý mức huy động vốn và tiêu chuẩn bảo hiểm. Mục tiêu là thông qua thí điểm để tìm ra và hoàn thiện hệ thống chính sách bảo hiểm y tế cơ bản cho người dân thành phố, thị trấn, hình thành nên cơ chế huy động vốn hợp lý, chế độ quản lý quỹ toàn và cơ chế vận hành chuẩn mực, từng bước xây dựng nên chế độ bảo hiểm y tế cơ bản có từ tính đến những bệnh hiểm nghèo của cư dân thành phố, thị trấn.

Tính đến cuối năm 2006, cả nước có 157,32 triệu người tham gia đóng bảo hiểm y tế cơ bản, tăng 19,49 triệu người so với năm trước. Trong đó công nhân viên chức chiếm 115,8 triệu người, cán bộ công nhân viên về hưu là 41,52 triệu người, tăng 15,58 triệu người và 3,91 triệu người so với cuối năm trước, số nông dân ở thành phố làm thuê tham gia bảo hiểm y tế cơ bản là 23,67 triệu người. Nguồn thu ngân sách bảo hiểm y tế cơ bản trong cả nước đạt 174,7 tỷ NDT,

chi trả là 127,7 tỷ NDT, tăng 24,3% và 18,3% so với năm trước. Trong đó, dự tính nguồn thu ngân sách cho bảo hiểm y tế là 104,1 tỷ NDT, chi trả là 71,7 NDT, tăng 27% và 16,7% so với năm trước. Số dư ngân sách cho bảo hiểm y tế cơ bản cuối năm là 175,2 tỷ NDT, trong đó số dư ngân sách dự tính là 107,7 tỷ NDT, tổng tài khoản cá nhân là 67,5 tỷ NDT.

3. Cải cách chế độ bảo hiểm thất nghiệp

Trong lĩnh vực bảo hiểm thất nghiệp, cố gắng làm tốt công tác tái tạo việc làm cho những người thất nghiệp, mất việc, hoàn thiện chức năng tái tạo việc làm của bảo hiểm thất nghiệp. Giải quyết một cách có trọng điểm công tác tái tạo việc làm cho những người thất nghiệp, mất việc, cung cấp phí sinh hoạt cơ bản, tổ chức giáo dục, bồi dưỡng kỹ năng tìm việc làm, cung cấp tài khoản nhỏ có đảm bảo, thu thập một cách rộng rãi những thông tin việc làm có liên quan, xây dựng sàn thông tin việc làm nhằm tăng cường năng lực tái tạo việc làm cho những người thất nghiệp, mất việc, tạo thêm cơ hội việc làm cho họ.

Tính đến cuối năm 2006, cả nước có 111,87 triệu người tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp, tăng 5,39 triệu người so với năm trước. Số người được hưởng tiền bảo hiểm thất nghiệp là 3,27 triệu người, giảm 350 nghìn người so với cuối năm trước. Nguồn thu ngân sách bảo hiểm thất nghiệp cả năm là 38,5 tỷ USD, tăng 15,8% so với năm trước, số tiền chi

trả trong cả năm là 19,3 tỷ NDT, giảm 6,9% so với năm trước, số dư ngân sách quỹ bảo hiểm thất nghiệp là 10,8 tỷ NDT.

4. Cải cách chế độ bảo hiểm tai nạn lao động

Trong lĩnh vực bảo hiểm tai nạn lao động, cùng với việc tiếp tục hoàn thiện chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, ra sức thúc đẩy nông dân, công nhân tham gia bảo hiểm tai nạn lao động. Quy định các doanh nghiệp, các hộ công thương cá thể có thuê mướn nhân công trên lãnh thổ Trung Quốc phải tham gia bảo hiểm tai nạn lao động cho người lao động theo quy định của pháp luật, đóng phí bảo hiểm tai nạn lao động cho toàn bộ công nhân viên trong đơn vị hoặc nhân công thuê mướn. Đồng thời, nêu ra những quy định cụ thể, đầy đủ về điều kiện, tư cách, tiêu chuẩn đãi ngộ, quản lý tiền vốn và mối quan hệ giữa nghĩa vụ và quyền lợi của người hưởng bảo hiểm tai nạn lao động. Căn cứ vào đặc trưng công việc và tính chất nghề nghiệp của nông dân ra thành phố làm thuê yêu cầu các doanh nghiệp có mức độ rủi ro lao động cao, trọng điểm là ngành kiến trúc, khai khoáng, các doanh nghiệp tập trung nhiều nông dân ra thành phố làm thuê phải dự trù quy hoạch chung, phân chia các bước thực hiện, thực hiện toàn bộ nông dân ra thành phố làm thuê tham gia đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bảo đảm một cách thiết thực quyền lợi tham gia bảo hiểm tai nạn lao động cho nông dân ra thành phố làm thuê.

Tính đến cuối năm 2006, cả nước có 102,68 triệu người tham gia đóng bảo hiểm tai nạn lao động, tăng 17,9 triệu người so với cuối năm trước, trong đó số nông dân ra thành phố làm thuê tham gia bảo hiểm tai nạn lao động là 25,37 triệu người. Cả nước có 780 nghìn người được hưởng ưu đãi từ bảo hiểm tai nạn lao động, tăng 130 nghìn người so với năm trước. Tổng nguồn thu ngân sách bảo hiểm tai nạn lao động trong cả năm là 12,2 tỷ NDT, chi trả 6,85 tỷ NDT, lần lượt tăng 31,7% và 44,2 % so với năm trước. Số dư ngân sách bảo hiểm tai nạn lao động cuối năm là 19,3 tỷ NDT, số dư tiền dự trữ là 2,4 tỷ NDT.

5. Cải cách chế độ bảo hiểm đảm bảo mức sống tối thiểu

Trong lĩnh vực bảo hiểm đảm bảo mức sống tối thiểu, cùng với việc tiếp tục hoàn thiện chế độ bảo hiểm đảm bảo mức sống tối thiểu của cư dân thành phố, thị trấn, nghiên cứu để xây dựng nên chế độ bảo hiểm đảm bảo mức sống tối thiểu ở khu vực nông thôn. *Một là*, kiện toàn chế độ bảo hiểm đảm bảo mức sống tối thiểu thành thị, về cơ bản đã thực hiện phương châm “*cái gì cần bảo đảm phải ra sức bảo đảm, quản lý theo tình hình*”. Trên cơ sở đó, căn cứ theo mức giá cả, mức tăng tiền lương và thực lực tài chính sẽ từng bước nâng cao tiêu chuẩn bảo hiểm bảo đảm mức sống tối thiểu, hoàn thiện trình độ quản lý xã hội hoá bảo hiểm, đảm bảo mức sống tối thiểu. *Hai là*, Quốc Vụ viện Trung Quốc đã ra

quyết định năm 2007 sẽ xây dựng chế độ bảo hiểm đảm bảo mức sống tối thiểu ở nông thôn trong cả nước, nhằm mục tiêu giải quyết vấn đề ăn no mặc ấm cho bộ phận người nghèo khổ ở nông thôn, xây dựng hệ thống bảo hiểm xã hội bao phủ khắp thành phố và nông thôn. Mục tiêu xây dựng chế độ bảo hiểm đảm bảo mức sống tối thiểu ở nông thôn là thông qua việc xây dựng trên phạm vi cả nước chế độ bảo hiểm đảm bảo mức sống tối thiểu ở nông thôn, sẽ đưa toàn bộ những người nghèo khổ ở nông thôn có điều kiện phù hợp vào phạm vi được bảo hiểm, giải quyết một cách ổn định, lâu dài, có hiệu quả vấn đề ăn no mặc ấm cho bộ phận người nghèo khổ ở nông thôn trong cả nước. Đối tượng của bảo hiểm bảo đảm mức sống tối thiểu ở nông thôn là những cư dân nông thôn có thu nhập thuần túy bình quân đầu người hàng năm của những thành viên trong gia đình thấp hơn tiêu chuẩn bảo đảm mức sống tối thiểu, nguyên nhân gây ra cuộc sống khó khăn thường niên của những cư dân nông thôn này chủ yếu là do ốm đau, bệnh tật, già cả, mất khả năng lao động và điều kiện sống khắc nghiệt; bên cạnh đó cũng yêu cầu, tiêu chuẩn bảo hiểm bảo đảm mức sống tối thiểu phải căn cứ theo sự biến đổi về giá cả các nhu yếu phẩm sinh hoạt và sự nâng cao mức sống của người dân để có những điều chỉnh đúng đắn, kịp thời.

Tính đến cuối năm 2006, cả nước có 22,409 triệu người dân thành thị (10,28 triệu hộ) được hưởng bảo hiểm bảo đảm

mức sống tối thiểu ở thành phố, tăng 67 nghìn người so với năm trước, tiêu chuẩn bảo hiểm bình quân là 169,6 NDT/người/ năm, số tiền dùng cho bảo hiểm bảo đảm mức sống tối thiểu ở thành phố là 22,21 tỷ NDT, bình quân mỗi người được hưởng trợ cấp 82,9 NDT/ tháng, cao hơn 10,6 NDT so với cùng kỳ năm trước, tăng 14,7%. Cuối năm cả nước có 2133 huyện (khu vực) triển khai thực hiện chế độ bảo hiểm bảo đảm mức sống tối thiểu, đã có 15,091 triệu người (7,434 triệu hộ) ở nông thôn được hưởng bảo hiểm bảo đảm mức sống tối thiểu nông thôn, bình quân mỗi người được nhận trợ cấp 33,2 NDT/ tháng; 7,293 triệu người (3,077 triệu hộ) ở nông thôn được hưởng cứu trợ khó khăn đặc biệt; 4,845 triệu người già thuộc diện 5 bảo đảm (4,551 triệu hộ) được hưởng cứu trợ “năm bảo đảm” ở nông thôn; tổng cộng có 27,228 triệu người ở nông thôn được nhận cứu trợ định kỳ, ngoài ra còn có 6,429 triệu lượt người ở nông thôn được nhận cứu trợ tạm thời. Năm 2006, tổng cộng có 1,455 triệu người sử dụng cứu trợ y tế bảo đảm mức sống tối thiểu ở thành phố, cứu trợ cho 2,868 triệu lượt người ở nông thôn, Bộ Dân chính Trung Quốc tham gia tài trợ hợp tác y tế cho 8,844 triệu lượt người, chi trả cho cứu trợ y tế ở thành phố là 510 triệu NDT, chi trả cho cứu trợ y tế ở nông thôn là 890 triệu NDT.

II. MỐI QUAN HỆ GIỮA VIỆC GIA NHẬP WTO VÀ CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ AN SINH XÃ HỘI CỦA TRUNG QUỐC

Cải cách chế độ an sinh xã hội của Trung Quốc có mối liên hệ mật thiết với

việc Trung Quốc gia nhập WTO. Gia nhập WTO không những nâng cao tính tất yếu của cải cách chế độ an sinh xã hội, mà còn làm tăng tính cấp bách của việc cải cách chế độ an sinh xã hội ở Trung Quốc. Biểu hiện cụ thể ở chỗ WTO là một cơ chế điều phối nhiều bên quốc tế hoá trên tất cả các phương diện, theo đuổi pháp chế hoá, tính công bằng và thị trường hoá, còn chế độ an sinh xã hội Trung Quốc ra đời trong thời kỳ kinh tế kế hoạch, mang đậm tính chất hành chính quan liêu, hiện tượng chênh lệch giữa các vùng miền và bất bình đẳng còn tương đối phổ biến, điều đó khiến cho chế độ an sinh xã hội của Trung Quốc còn có sự chênh lệch khá lớn so với yêu cầu gia nhập WTO.

1. Sự chênh lệch giữa phát triển toàn cầu hoá và quan niệm văn hoá dân tộc

Toàn cầu hoá là xu thế phát triển lịch sử của thế giới ngày nay và cũng là yêu cầu mang tính nội tại của WTO. Mục tiêu cụ thể của WTO là phải xây dựng một cơ chế thương mại đa phương hoàn chỉnh, có sức sống và bền vững hơn nữa, yêu cầu các nước thành viên thông qua những bố trí, sắp xếp cùng có lợi, giảm thuế quan và những rào cản thương mại khác, xóa bỏ những phân biệt đối xử trong thương mại quốc tế. Gia nhập WTO có nghĩa là Trung Quốc hoà nhập vào dòng chủ lưu của nền kinh tế quốc tế và quyết tâm tham gia một cách tích cực vào sự phát triển toàn cầu hoá, đồng thời Trung Quốc cũng phải chấp nhận sự

toàn cầu hoá ở một chừng mực nhất định trong lối sống và văn hoá. Xét cụ thể trong chế độ an sinh xã hội, trợ giúp lẫn nhau và chia sẻ khó khăn giữa các thành viên trong xã hội là nhận thức chung, cơ bản về an sinh xã hội; nhà nước, xã hội và mỗi người dân đều là chủ thể trách nhiệm của an sinh xã hội. Trung Quốc là nước coi trọng nề nếp gia đình và các mối quan hệ ruột thịt, đề cao sự bao bọc, che chở của gia đình, vì vậy nên người dân Trung Quốc không tham gia tích cực để xây dựng nên một hệ thống an sinh xã hội mang tính công bằng và toàn xã hội chia sẻ trách nhiệm. Nhưng cùng với xu thế phát triển toàn cầu hoá ngày càng rõ nét, công nghiệp hoá và phân công xã hội đã hạn chế tương đối việc phát huy chức năng của an sinh xã hội truyền thống, xây dựng nên hệ thống an sinh xã hội trong quỹ đạo quốc tế là phương hướng cơ bản của cải cách chế độ bảo hiểm xã hội Trung Quốc.

2. Sự chênh lệch giữa yêu cầu pháp chế hoá và lý luận khái niệm về sự can thiệp hành chính

WTO là một thể chế có cơ sở là kiện toàn môi trường pháp chế, yêu cầu pháp chế hoá đối với chế độ an sinh xã hội rất cao. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, việc xây dựng và phát triển bất cứ một chế độ an sinh xã hội nào thông thường được chỉ đạo thông qua việc xây dựng cơ quan lập pháp hoặc sửa đổi pháp quy, pháp luật có liên quan, lấy việc thi hành những quy định chi tiết do các bộ ngành quản lý tương ứng đặt ra làm điều kiện,

sau đó mới tổ chức thực hiện các hạng mục an sinh xã hội cụ thể. Yêu cầu pháp chế hoá an sinh xã hội xuất phát từ vai trò quan trọng của chính bản thân nó, vì an sinh xã hội là một ngành dịch vụ công có liên quan đến lợi ích thiết thân của mọi thành viên trong xã hội, liên quan đến việc điều chỉnh lợi ích và chia sẻ trách nhiệm giữa chính phủ, xã hội và người dân, không có những ràng buộc chặt chẽ của các pháp quy, pháp luật có liên quan thì sẽ rất khó để xây dựng một chế độ an sinh xã hội theo đúng nghĩa của nó. Gia nhập WTO cũng làm tăng thêm thuộc tính pháp chế hoá của chế độ an sinh xã hội, đòi hỏi hệ thống pháp luật an sinh xã hội của các nước thành viên ngày càng được chuẩn hoá và hoàn thiện. Cải cách mở cửa đã xoá bỏ hệ thống an sinh xã hội truyền thống của Trung Quốc, trong quá trình xây dựng hệ thống an sinh xã hội mới, về cơ bản Trung Quốc xây dựng một chế độ an sinh xã hội dựa trên hình thức mệnh lệnh hành chính, hơn nữa, căn cứ theo nhu cầu phát triển kinh tế xã hội trong từng thời kỳ khác nhau để tiến hành những điều chỉnh, từ đó khiến cho chế độ an sinh xã hội của Trung Quốc thiếu đi tính quyền uy và sự ổn định, rất khó để huy động mọi người dân tích cực tham gia.

3. Sự chênh lệch giữa ý thức công bằng và đặc trưng chênh lệch tập thể

An sinh xã hội thực hiện mục tiêu hưởng thụ công bằng về quyền lợi và sự chia sẻ công bằng trong nghĩa vụ, sự công bằng này không những chỉ được thể

hiện trong hiệu quả thực hiện chế độ mà còn được thể hiện trong suốt quá trình thực hiện chế độ, gia nhập WTO đã khiến cho ý thức về tính công bằng của bảo hiểm xã hội ngày càng rõ rệt hơn. Từ thực tiễn phát triển của các nước trên thế giới cho thấy, tính công bằng của chế độ an sinh xã hội không những đòi hỏi các thành viên trong xã hội cùng hưởng quyền lợi an sinh xã hội một cách công bằng, mà còn đòi hỏi sự công bằng trong việc gánh vác những chi phí an sinh xã hội và trách nhiệm an sinh xã hội, từ đó xây dựng một môi trường cạnh tranh thị trường công bằng, hợp lý. Trên thực tế, ý thức về tính công bằng của chế độ an sinh xã hội là bộ phận hữu cơ cấu thành nên môi trường cạnh tranh thị trường công bằng, và cũng là biểu hiện trực tiếp nguyên tắc theo đuổi hiệu quả và cạnh tranh công bằng của WTO. Trong thời gian dài tới đây, Trung Quốc sẽ triển khai thực hiện hệ thống an sinh xã hội phân tách nhị nguyên thành phố, huyện thị, còn tồn tại khoảng cách khá xa giữa các hạng mục trong chế độ an sinh xã hội giữa người dân trong các thành phố, huyện thị; bên cạnh đó, do phân tầng quy hoạch chung của phân lớn bảo hiểm xã hội đều thấp, khiến cho sự chênh lệch trong tập thể của an sinh xã hội rất rõ, các biểu hiện cụ thể như sự chênh lệch giữa thành thị và nông thôn, chênh lệch giữa các vùng miền và sự chênh lệch ngay giữa những người dân trong các thành thị, huyện thị. Sự chênh lệch trong tập thể này tuy đã thay đổi hiện tượng gánh nặng không cân đối

trong chế độ bảo hiểm xã hội của các doanh nghiệp trong thời kỳ kinh tế kế hoạch, lại không thể che đậy những bất bình đẳng mới được tạo thành do nhiều nguyên nhân, từ đó không những không có lợi cho việc thu hẹp sự chênh lệch trong thu nhập của người dân, mà ngược lại còn nói rộng thêm sự chênh lệch trong thu nhập của người dân, làm tăng thêm sự phân hoá xã hội và xung đột xã hội.

4. Sự chênh lệch giữa cạnh tranh thị trường hoá và mục tiêu hiệu ứng xã hội

Trong khuôn khổ hệ thống WTO, cơ chế thị trường đã trở thành quy tắc chung cơ bản mà các nước trên thế giới đều phải tuân thủ, tối đa hoá hiệu quả trở thành phương hướng giá trị chủ đạo trong thị trường buôn bán và thiết kế chế độ. Các tổ chức quốc tế tiêu biểu là ngân hàng thế giới đã khởi xướng việc đưa cơ chế thị trường vào trong lĩnh vực an sinh xã hội, một số nước hay một số khu vực đã bắt đầu thay thế chế độ bảo hiểm dưỡng lão loại hình phúc lợi công bằng bằng chế độ bảo hiểm dưỡng lão dưới hình thức tiết kiệm, kết hợp thu phí bảo hiểm xã hội với đãi ngộ bảo hiểm xã hội của cá nhân; đồng thời chuyển công tác an sinh xã hội vốn do các cơ quan trực thuộc chính phủ quản lý sang cho các tổ chức phi chính phủ, thậm chí có thể chuyển cho các công ty, doanh nghiệp, từ đó vừa tăng thêm trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với công tác an sinh xã hội, vừa nâng cao hiệu quả quản lý an sinh xã hội. Nhưng những cải

cách thị trường hoá trong giai đoạn quá độ sẽ khiến chế độ an sinh xã hội đi lệch hướng bản chất hỗ trợ xã hội của nó, hiệu ứng kinh tế lấn át hiệu ứng xã hội, dấu ấn thị trường hoá trong cải cách chế độ bảo hiểm y tế của Trung Quốc quá rõ nét, gây ra tình trạng “*khám bệnh đắt, khám bệnh khó*” cho đại bộ phận nhân dân. Không còn nghi ngờ gì nữa, gia nhập WTO sẽ không nhất thiết chỉ gây ra hiệu ứng xã hội phá hoại chế độ xã hội mà ngược lại cần phải tạo ra một môi trường xã hội ổn định, công bằng, chính nghĩa cho hiệu ứng xã hội tốt đẹp hơn.

III. BÀI HỌC KINH NGHIỆM CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ AN SINH XÃ HỘI CỦA TRUNG QUỐC

Sau khi gia nhập WTO, là một quốc gia đang phát triển lớn nhất trên thế giới, Trung Quốc đã thực hiện những cải cách chế độ an sinh xã hội trên các mức độ khác nhau. Một số cải cách được tiến hành trên nền tảng tiếp thu kinh nghiệm của quốc tế, một số cải cách lại thể hiện được sự mạnh dạn sáng tạo của Trung Quốc, trong quá trình nghiên cứu để tìm ra hệ thống an sinh xã hội phù hợp với tình hình thực tế của Trung Quốc, Trung Quốc đã rút ra một số bài học kinh nghiệm quý giá.

1. Phát triển kinh tế là cơ sở vật chất cho việc tiến hành thuận lợi cải cách chế độ an sinh xã hội

Thực chất cải cách chế độ an sinh xã hội là sự điều chỉnh lại kết cấu lợi ích,

do đó sẽ động chạm đến lợi ích của một bộ phận cư dân, gây ra khuynh hướng tẩy chay, phản đối chế độ an sinh xã hội mới ra đời. Để giảm bớt những rào cản trong quá trình cải cách, chính phủ các nước dưới tiên đề không giảm hết những lợi ích, thông qua phương pháp điều chỉnh lượng tăng thêm để cân bằng mối quan hệ lợi ích giữa các bên. Để làm được việc đó cần phải có sự tham gia trợ giúp của kinh tế. Thông thường, sự tham gia của kinh tế đều do tài chính công đảm trách. Hiện nay, Trung Quốc đang tiến hành điều chỉnh và hoàn thiện chế độ an sinh xã hội, như việc thực hiện mở tài khoản tiền dưỡng lão cá nhân, xây dựng chế độ y tế hợp tác kiểu mới ở nông thôn, nghiên cứu xây dựng chế độ bảo hiểm dưỡng lão xã hội ở nông thôn, xây dựng hệ thống bảo hiểm bảo đảm mức sống tối thiểu cho cư dân thành phố, thị trấn, xây dựng thí điểm chế độ bảo hiểm y tế cơ bản của cư dân thành phố, thị trấn. Một trong những đặc trưng cơ bản của những cải cách này là trong quá trình xây dựng và hoàn thiện chế độ cần phải có nguồn vốn đầu vào lớn, cơ quan tài chính các cấp căn cứ theo tỉ lệ để đảm nhận chi phí đầu vào phục vụ cho công tác an sinh xã hội. Xét một cách nghiêm túc, trong những năm gần đây cải cách chế độ an sinh xã hội của Trung Quốc có biên độ lớn, sự điều chỉnh lợi ích của các chủ thể có liên quan diễn ra rất mạnh mẽ, nhưng gây ra không nhiều chấn động trong xã hội, một trong những nguyên nhân chính đó là một lượng lớn chi phí cải cách do các cấp chính phủ

đảm trách, làm dịu bớt sự bất mãn của một bộ phận thành viên trong xã hội đối với việc cải cách chế độ an sinh xã hội. Từ sau khi tiến hành cải cách mở cửa, nền kinh tế quốc dân Trung Quốc liên tục duy trì được tốc độ phát triển mạnh mẽ, thu nhập của người dân không ngừng được nâng cao, nguồn thu tài chính tăng nhanh giúp cho chính phủ có đủ thực lực tài chính để đảm nhận chi phí cải cách chế độ an sinh xã hội, hơn nữa mỗi người dân cũng có thể chia sẻ trách nhiệm đóng phí an sinh xã hội.

2. Phân loại, phân chia các bước thực hiện là nguyên tắc cơ bản để xây dựng hệ thống an sinh xã hội

Hệ thống an sinh xã hội là một tổng thể bao gồm rất nhiều hạng mục an sinh xã hội, giữa những hạng mục đó vừa liên hệ tác động lẫn nhau vừa độc lập, tách rời với nhau. Do chịu ảnh hưởng của các nhân tố như các giai đoạn phát triển kinh tế, thể chế chính trị, quan niệm văn hoá và trình độ phát triển của lịch sử, sự phát triển của các hạng mục an sinh xã hội không hoàn toàn đồng đều nhau, có một số hạng mục an sinh xã hội đã tương đối phát triển, nhưng cũng có những hạng mục đang ở vào giai đoạn xây dựng bước đầu, đó cũng chính là đặc điểm phát triển của hệ thống an sinh xã hội của Trung Quốc. Trong khi mô hình chế độ bảo hiểm dưỡng lão cơ bản của công nhân viên trong các doanh nghiệp ở thành phố, thị trấn đã được định hình, nhiệm vụ chủ yếu hiện nay là tiếp tục mở rộng diện bao phủ của bảo

hiểm dưỡng lão, thu hẹp sự chênh lệch trong chế độ đãi ngộ bảo hiểm dưỡng lão đối với các cán bộ, công nhân viên đã nghỉ hưu trong các đơn vị sự nghiệp thì chế độ bảo hiểm dưỡng lão xã hội tại khu vực nông thôn lại phải trải qua một quá trình phát triển ngập ngừng, luẩn quẩn “*thí điểm - phát triển - chỉnh đốn thanh lý - thí điểm*”, sau nhiều năm thực hiện chế độ bảo hiểm bảo đảm mức sống tối thiểu cho cư dân thành phố, huyện thị, mới bắt đầu tính tới xây dựng chế độ bảo hiểm bảo đảm mức sống tối thiểu ở khu vực nông thôn. Ưu điểm lớn nhất của việc phân loại, phân chia các bước thực hiện cải cách chế độ an sinh xã hội đó là vừa tính tới tình hình thực tế hiện nay của Trung Quốc, vừa phát huy đầy đủ tác dụng, vai trò, chức năng của an sinh xã hội. Do mục tiêu khác nhau của các hạng mục an sinh xã hội, hơn nữa điều kiện chế độ mà các hạng mục an sinh xã hội cần đến, cơ sở vật chất, địa vị và chức năng của các hạng mục an sinh cũng không giống nhau nên việc phân loại, phân bước để tiến hành cải cách là cách làm đúng đắn nhất trong giai đoạn hiện nay.

3. Vai trò chủ đạo của chính phủ là điều kiện tiên quyết không thể thiếu để tiến hành cải cách chế độ an sinh xã hội

Chế độ an sinh xã hội về bản chất thuộc sản phẩm công cộng hay là sản phẩm công cộng tiêu biểu; xét về ý nghĩa kinh tế học thì an sinh xã hội bắt buộc phải do chính phủ đảm nhiệm, và sự chỉ đạo của chính phủ sẽ thể hiện trên ba

cấp. *Trước hết*, chính phủ sẽ quyết định mục tiêu, phương hướng của cải cách chế độ an sinh xã hội. Chính phủ sẽ xuất phát từ toàn cục của sự phát triển hài hòa giữa kinh tế và xã hội để quyết định mục tiêu của cải cách chế độ an sinh xã hội một cách chính xác và phù hợp, vạch ra một phương án cải cách cụ thể, hợp lý; chính phủ còn đảm trách việc quy hoạch phát triển chung cho sự nghiệp an sinh xã hội; thậm chí thông qua quyền lập pháp quốc gia để xác lập vai trò chiến lược của phương hướng và mục tiêu của cuộc cải cách đó. *Tiếp theo*, chi phí kinh tế cho cải cách chế độ an sinh xã hội sẽ do chính phủ đứng ra chịu trách nhiệm chính. Chính phủ sẽ đại diện cho lợi ích của quần chúng, đóng vai trò người tổng chỉ huy của quá trình cải cách chế độ an sinh xã hội, trong đó chính phủ nhất định phải tìm cách giải quyết thoả đáng những mâu thuẫn xã hội và những xung đột xã hội do kết cấu và cách thức phân chia lợi ích gây ra, những chi phí cải cách do chính phủ gánh vác có thể giảm thiểu đi rất nhiều thái độ bất mãn của quần chúng và xã hội đối với công cuộc cải cách chế độ, đồng thời giúp ích cho việc triển khai thực hiện cải cách chế độ diễn ra một cách thuận lợi. *Cuối cùng*, thành quả của công cuộc cải cách chế độ an sinh xã hội sẽ được bảo đảm bởi chính phủ. Trong quá trình thực hiện việc cải cách chế độ nhất định sẽ phát sinh những vấn đề ngoài dự kiến hoặc đã được dự kiến trước, những vấn đề này cần được chính phủ giải quyết thông qua những điều chỉnh

kịp thời, nhằm tiến hành cải cách chế độ an sinh xã hội một cách thuận lợi, giúp cho thành quả của công cuộc cải cách thống nhất với những mục tiêu đã đề ra.

4. Tôn trọng theo các thông lệ quốc tế là tiền đề tất yếu để chế độ an sinh xã hội đi vào quỹ đạo quốc tế

Thông lệ quốc tế là các cam kết chung của tất cả các quốc gia trên thế giới đối với những hành vi nhất định, tuy nhiên không có tính chất bắt buộc về mặt pháp lý, nhưng lại có tính ràng buộc rộng rãi với tất cả các quốc gia trên thế giới. Sau khi gia nhập WTO, ngoài việc phải tôn trọng theo các luật chơi của WTO, Trung Quốc còn phải tôn trọng một số thông lệ quốc tế đã có, nếu không sẽ ảnh hưởng đến uy tín quốc tế và sức ảnh hưởng tổng hợp của Trung Quốc. Tiêu chuẩn lao động quốc tế là yêu cầu cơ bản mà tất cả các nước trên thế giới phải tuân theo trong quá trình xây dựng thị trường sức lao động và sử dụng lao động. Tiêu chuẩn lao động quốc tế đòi hỏi các phương diện về điều kiện làm việc, thời gian làm việc, cường độ làm việc và tiêu chuẩn mức lương không được thấp hơn một tiêu chuẩn nhất định; nếu không sẽ bị coi như là đã vi phạm đến các quyền lợi cơ bản của người lao động. Trong suốt một thời gian dài, Trung Quốc đã dựa vào thế mạnh về giá nhân công rẻ để giành thắng lợi trong cuộc cạnh tranh về ngoại thương trên thị trường thế giới, nhưng thắng lợi đó được đánh đổi từ việc giá nhân công thấp hơn so với tiêu chuẩn giá nhân công quốc tế. Sau khi gia nhập

WTO, các quốc gia phát triển tại Âu - Mỹ không ngừng đặt ra những câu hỏi nghi ngờ về giá nhân công rẻ của Trung Quốc, lấy việc có tuân thủ theo tiêu chuẩn lao động quốc tế để làm căn cứ đánh giá Trung Quốc có bán phá giá các sản phẩm thương mại hay không. Mấy năm gần đây, Chính phủ Trung quốc đã tiến hành điều tra hiệu quả thực thi luật pháp tại các cơ sở sử dụng lao động, đặc biệt là các doanh nghiệp, yêu cầu các đơn vị có sử dụng lao động phải có chế độ đãi ngộ nộp các khoản bảo hiểm xã hội cơ bản theo quy định của pháp luật cho tất cả các nhân viên được thuê lao động nhằm đối phó với sự giám sát nghiêm ngặt của cộng đồng quốc tế.

5. Xã hội hoá quản lý là sự lựa chọn tất yếu để nâng cao hiệu quả quản lý công tác an sinh xã hội

Chính phủ cung cấp dịch vụ an sinh xã hội không có nghĩa là chính phủ phải trực tiếp quản lý, ngược lại, chính phủ nên chuyển giao việc thực hiện các công tác an sinh xã hội cho các tổ chức phi chính phủ, các cơ quan quản lý chuyên nghiệp, thậm chí cả các doanh nghiệp, công ty, nhằm tận dụng triệt để ưu thế chuyên nghiệp hoá của người đi sau và ưu thế khống chế giá cả. Công tác an sinh xã hội là một tổng thể bao gồm một loạt các mắt xích như: huy động vốn, quản lý thường trực, đầu tư cơ bản và thực hiện đãi ngộ. Nếu đơn thuần chỉ do các bộ ngành của chính phủ quản lý sẽ dẫn đến tình trạng tình hình hành thái quan

liêu, hành chính, chi phí quản lý quá cao, hiệu quả vận hành thấp và lãng phí nghiêm trọng nguồn tài nguyên. Điều này đã được kiểm chứng qua thực tiễn thực hiện an sinh xã hội của nhiều quốc gia trên thế giới. Trước mắt, công tác quản lý các công việc an sinh xã hội của Trung Quốc cũng như vậy, xã hội hoá công tác quản lý đã được triển khai trên nhiều lĩnh vực, như việc trưng thu phí bảo hiểm xã hội, trả tiền lương hưu, chi trả tiền bảo hiểm y tế và quản lý việc uỷ thác quỹ tiền dành cho bảo hiểm xã hội cơ bản, từ đó đã nâng cao hơn hiệu suất sử dụng nguồn tài nguyên an sinh xã hội.

IV. NHỮNG KIẾN NGHỊ ĐỂ XÂY DỰNG CHẾ ĐỘ AN SINH XÃ HỘI TẠI TRUNG QUỐC

Trung Quốc mới gia nhập WTO chưa được bao lâu, cải cách chế độ an sinh xã hội vẫn đang trong giai đoạn triển khai rộng rãi trên nhiều lĩnh vực khác nhau cũng như nhiều hạng mục khác nhau. Hiện nay do Trung Quốc vẫn còn đang ở trong giai đoạn điều chỉnh, cải cách nên chỉ có thể đưa ra những đánh giá sơ bộ ban đầu về công cuộc cải cách chế độ an sinh xã hội tại Trung Quốc. Những thành quả trong quá trình cải cách còn cần phải được khảo sát và kiểm nghiệm trong khoảng thời gian dài tới đây. Nhưng có thể khẳng định một điều, Trung Quốc chưa thể xây dựng một chế độ an sinh xã hội hoàn mỹ, trên thực tế còn tồn tại nhiều vấn đề cần được cải

tiến dần dần.

1. Đẩy mạnh xây dựng pháp chế an sinh xã hội, nâng cao uy lực của chế độ an sinh xã hội

An sinh xã hội là một chế độ quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến sự ổn định xã hội và sự an bình, thịnh trị lâu dài của một quốc gia, chính vì vậy, Trung Quốc cần phải nhanh chóng ban hành luật an sinh xã hội áp dụng trong cả nước, tiến hành chuẩn mực hoá pháp luật cho các hạng mục an sinh xã hội. Xây dựng luật an sinh xã hội, trước hết có thể nâng cao phân tầng pháp luật của chế độ an sinh xã hội, tăng thêm uy lực cho chế độ an sinh xã hội; bởi vì nội dung cơ bản của chế độ an sinh xã hội đã vượt xa phạm vi điều chỉnh của pháp quy hành chính và quy định của các bộ ngành; tiếp đến, xây dựng luật an sinh xã hội có thể tránh sự chỉ đạo lợi ích lập pháp hành chính của các bộ ngành, để đảm bảo tính thoát ly và tính độc lập tương đối của luật an sinh xã hội, bởi vì nếu công tác an sinh xã hội do các bộ ngành có lợi ích chỉ đạo thì sẽ dẫn đến tình trạng tùy tiện sửa đổi, điều chỉnh chế độ an sinh xã hội, làm mất lòng tin của quần chúng nhân dân và xã hội đối với chế độ an sinh xã hội; cuối cùng, xây dựng luật an sinh xã hội sẽ có lợi cho việc thực hiện một cách thống nhất và đồng bộ chế độ an sinh xã hội trên phạm vi toàn quốc, đặc biệt đối với các vấn đề còn tồn tại hiện nay của Trung Quốc như phân tầng quy hoạch chung cho các hạng

mục an sinh xã hội còn thấp, tỉ lệ nộp phí an sinh xã hội vẫn còn tồn tại sự chênh lệch mang tính cơ cấu, do đó luật an sinh xã hội có thể giúp ràng buộc chặt chẽ hơn với các vấn đề nêu trên. Hiện nay, Trung Quốc cần thúc đẩy nhanh hơn nữa việc xây dựng pháp chế cho hệ thống an sinh xã hội, nhanh chóng xây dựng hệ thống an sinh xã hội mang bản sắc Trung Quốc, đó là một hệ thống an sinh xã hội có tính xã hội hoá trong dịch vụ quản lý, chuẩn mực hoá về mức độ bảo đảm, đa nguyên hoá nguồn vốn và độc lập với các đơn vị hành chính sự nghiệp.

2. Mở rộng nguồn vốn tham gia của tài chính các cấp, xây dựng ngân sách an sinh xã hội

Hiện nay Trung Quốc cần phải mở rộng hơn nữa mức độ tham gia của tài chính các cấp trực thuộc Trung ương và địa phương vào công tác an sinh xã hội, đưa nguồn vốn cần thiết cho việc phát triển an sinh xã hội vào nguồn ngân sách tài chính các cấp, xây dựng chế độ dự toán nguồn vốn ngân sách cho hoạt động an sinh xã hội, mở rộng một cách có trọng điểm việc đầu tư vào các lĩnh vực như xây dựng cơ sở hạ tầng an sinh xã hội, sắp xếp có trọng điểm việc trợ cấp bảo hiểm y tế cơ bản cho công nhân viên làm việc trong các ngành nghề nguy hiểm hoặc làm việc trong các môi trường nguy hiểm; thực hiện các hạng mục vốn cho quỹ tài khoản cá nhân, quỹ bảo hiểm rủi ro xã hội; hình thành nên cơ chế

khuyến khích và cơ chế đầu tư tài chính phù hợp với nhiệm vụ và mục tiêu đặt ra của công tác an sinh xã hội. Trong đó sẽ đẩy mạnh hơn nữa công tác quản lý việc chi trả và trưng thu các khoản tiền bảo hiểm xã hội cơ bản; trên cơ sở đưa việc thực hiện chế độ an sinh xã hội thành trách nhiệm chung của mỗi cá nhân và doanh nghiệp, xây dựng kiện toàn chế độ quyết toán, dự toán quỹ bảo hiểm xã hội; làm rõ trách nhiệm của các cấp trực thuộc chính phủ trong việc cân bằng nguồn ngân sách dành cho bảo hiểm xã hội. Trung Quốc đang ở trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, vì vậy, Trung Quốc cần phải giảm thiểu dần tỉ trọng chi phí chi trả cho xây dựng cơ bản chiếm trong tổng chi phí tài chính, nâng cao tỉ trọng chi phí chi trả hỗ trợ an sinh xã hội trong toàn bộ chi phí tài chính, nhằm thực hiện việc đưa nền tài chính mang tính xây dựng trở về với nền tài chính dạng dịch vụ công.

3. Đẩy mạnh hơn nữa các công tác tuyên truyền về chế độ an sinh xã hội trong xã hội, khơi dậy tính tích cực và sự tham gia nhiệt tình của quần chúng nhân dân

Một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến tính tích cực và sự tham gia của quần chúng nhân dân đó chính là sự hiểu biết của họ đối với các pháp quy và pháp luật có liên quan đến chế độ an sinh xã hội; do đó phải đẩy

mạnh công tác tuyên truyền phổ cập những kiến thức có liên quan đến chế độ an sinh xã hội cho quần chúng. Để làm được điều đó cần phải có sự nỗ lực chung từ phía chính phủ, doanh nghiệp, xã hội và mỗi cá nhân. Chính phủ cần phải có những điều chỉnh đối với các pháp quy và pháp luật an sinh xã hội có liên quan, đồng thời cung cấp dịch vụ tư vấn đúng lúc cho nhân dân, thông báo kịp thời cho quần chúng nhân dân biết về những điều chỉnh trong chế độ và những chính sách mới được ban hành, đồng thời đưa ra những giải thích hợp lý cho những thay đổi và điều chỉnh đó nhằm thoả mãn quyền được tìm hiểu các thông tin có liên quan đến chế độ an sinh xã hội của quần chúng nhân dân. Các doanh nghiệp khi trích đóng phí bảo hiểm xã hội phải có trách nhiệm giải thích rõ cho mỗi cá nhân nghĩa vụ thực hiện chính sách đó; đồng thời phối hợp với các cá nhân giải quyết các thủ tục có liên quan đến công tác an sinh xã hội. Các địa phương nên tích cực và chủ động phối hợp nhịp nhàng với Chính phủ trong việc tuyên truyền các chính sách do Chính phủ ban hành sao cho có thể đủ khả năng giải toả mối e ngại của quần chúng trong quá trình thực hiện các chính sách cụ thể, cũng như phối hợp cùng Chính phủ giải quyết thực hiện các đãi ngộ an sinh xã hội. Mỗi cá nhân nên tích cực và chủ động tìm hiểu, nắm rõ về chế độ an sinh xã hội, đặc biệt là các quy định có liên quan trực tiếp đến quyền lợi

và nghĩa vụ của bản thân mình được quy định trong đó; từ đó có được những hiểu biết đúng đắn và nắm vững các kiến thức về chế độ an sinh xã hội.

4. Quy hoạch chung cho việc xây dựng chế độ an sinh xã hội, thúc đẩy sự phát triển hài hoà giữa kinh tế và xã hội

Hiện nay, công tác quy hoạch phát triển xây dựng chế độ an sinh xã hội tại các thành phố, thị trấn của Trung Quốc đang phải đối mặt với không ít vấn đề khó khăn cần phải giải quyết, như chế độ an sinh xã hội giữa các thành phố, huyện thị có sự khác biệt lớn về mặt chế độ, diện bao phủ của an sinh xã hội ở các thành phố, huyện thị cao hơn nhiều so với ở khu vực nông thôn; mức độ tham gia bảo hiểm an sinh xã hội tại các thành phố, huyện thị cao hơn nhiều so với khu vực nông thôn; phương thức huy động vốn cho an sinh xã hội ở các thành phố, thị trấn không có sự công bằng và sự chênh lệch trong trình độ quản lý công tác an sinh xã hội của các thành phố, thị trấn. Do đó Trung Quốc cần phải tập trung sức lực để thúc đẩy xây dựng quy hoạch chung cho an sinh xã hội tại các thành phố, thị trấn. *Trước hết*, Trung Quốc cần phải có một quy hoạch tổng thể, trọng điểm là thúc đẩy xây dựng chế độ an sinh xã hội ở khu vực nông thôn. Trên cơ sở coi chế độ an sinh xã hội ở thành phố, thị trấn là một chính thể hữu cơ, tiến hành việc thiết kế quy hoạch một cách khoa học và hợp lý, bao gồm các kết cấu hạng mục, mức độ

bảo đảm, phương thức huy động vốn, chế độ quản lý và cơ chế giám sát v.v... nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển giao một cách có hiệu quả chế độ an sinh xã hội tại các thành phố, huyện thị. Tiếp theo, lấy nông dân ra thành phố làm thuê và những người nông dân bị mất đất làm bước đột phá, thực hiện bước chuyển tiếp một cách hợp lý chế độ an sinh xã hội ở thành phố, thị trấn. Cố gắng tạo điều kiện thuận lợi cho công nhân, nông dân và người nông dân mất đất canh tác có thể tham gia vào chế độ an sinh xã hội ở thành phố, thị trấn, tạo ra những sắp xếp linh hoạt trên các phương diện tiêu chuẩn bảo hiểm, mô hình huy động vốn và thực hiện đãi ngộ. Nhưng những sắp xếp linh hoạt đó chỉ có thể coi như sự sắp xếp trong thời kỳ quá độ, đợi đến khi thời cơ chín muồi sẽ sáp nhập hoàn toàn vào hệ thống an sinh xã hội ở thành phố, thị trấn, trên cơ sở đó dần dần chế độ an sinh xã hội tại khu vực nông thôn hoà nhập vào chế độ an sinh tại các thành phố, huyện thị. Tiếp đến sẽ xây dựng cơ chế huy động vốn thống nhất cho an sinh xã hội ở thành phố, thị trấn, từ trên cơ sở nguồn vốn tạo ra sự đảm bảo vững chắc về mặt an sinh. Kiến nghị từng bước xây dựng ở khu vực nông thôn hệ thống bảo hiểm dưỡng lão nhiều tầng bậc thống nhất với hệ thống bảo hiểm dưỡng lão thành phố, huyện thị, khuyến khích những địa phương có điều kiện đi đầu thực hiện xây dựng, kiện toàn hệ thống an sinh xã hội, Chính

phủ sẽ dành cho những địa phương này các hỗ trợ về nguồn vốn tương ứng và các chính sách hậu thuẫn, sau đó từng bước nhân rộng và triển khai trong cả nước. Cuối cùng, cải cách mô hình quản lý chế độ an sinh xã hội tại khu vực nông thôn, nâng cao hiệu quả quản lý và trình độ quản lý. Xây dựng kiện toàn cơ cấu quản lý tổ chức an sinh xã hội tại khu vực nông thôn, thống nhất chức năng dịch vụ quản lý của các bộ ngành khác nhau, cố gắng tránh để xảy ra tình trạng quản lý trùng lặp và chồng chéo. Tăng cường công tác giáo dục, bồi dưỡng nghiệp vụ và quản lý cho nhân viên trong các cơ quan quản lý an sinh xã hội. Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng quản lý và bồi dưỡng nghiệp vụ cho các nhân viên làm việc trong các cơ quan quản lý an sinh xã hội; không ngừng nâng cao các tố chất tổng hợp của an sinh xã hội. Học tập kinh nghiệm quản lý quỹ an sinh xã hội ở thành phố, thị trấn, nâng cao năng lực tăng trưởng nguồn vốn của quỹ an sinh xã hội tại khu vực nông thôn, giúp chế độ an sinh xã hội phát triển ổn định bền vững.

Người dịch: **NGUYỄN THANH GIANG**

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Bồi Cương: *Chế độ an sinh xã hội của Trung Quốc sau khi gia nhập WTO. Thách thức và đối sách*, Tạp chí Khoa học kỹ thuật và quản lý, số 3-2003.

2. Martin Feldstein (2004): *Cải cách chế độ bảo hiểm dưỡng lão xã hội của Trung Quốc*, Đinh Khai Kiệt (chủ biên): *Cải cách chế độ an sinh xã hội*. Nxb Văn hiến khoa học xã hội, Bắc Kinh.

3. Lý Thiệu Quang (2006): *Đi sâu phân tích cải cách chế độ an sinh xã hội dưới góc độ kinh tế học*. Nxb Đại học Nhân dân Trung Quốc, Bắc Kinh.

4. Joseph E. Stiglitz: *Hệ thống an sinh xã hội được thiết kế thích hợp tiếp tục giành được thành công quan trọng ở Trung Quốc*, Đinh Khai Kiệt (chủ biên) (2004): *Cải cách chế độ an sinh xã hội*, Nxb Văn hiến khoa học xã hội, Bắc Kinh.

5. Tống Hiểu Ngô (Chủ biên) (2001): *Báo cáo tình hình phát triển và cải cách chế độ an sinh xã hội Trung Quốc*, Nxb Đại học Nhân dân Trung Quốc, Bắc Kinh.

6. Tôn Kỳ Tường, Trịnh Vĩ Đăng (2005): *Nghiên cứu chế độ an sinh xã hội Trung Quốc - Cải cách bảo hiểm xã hội và sự phát triển bảo hiểm thương nghiệp*, Nxb Tiền tệ Trung Quốc, Bắc Kinh.

7. Hùng Hán Tiên: *Ảnh hưởng của việc gia nhập WTO đối với chế độ an sinh xã hội Trung Quốc*, tập san Đại học Kỹ thuật Thanh Hoa (Nxb Khoa học xã hội), số 3, quyển 16, năm 2002.

8. Dương Nghi Dũng, Trương Anh, Cố Nghiêm: *"Xây dựng hệ thống bảo hiểm bảo đảm mức sống tối thiểu quy hoạch chung thành phố, huyện thị"*, Tạp chí Khoa học Dân số Trung Quốc, số 6-2006.

9. Trịnh Thừa Văn (Chủ biên) (2004): *Cải cách công kiên chế độ an sinh xã hội*, Nxb Thủy lợi thủy điện Trung Quốc, Bắc Kinh.

10. Trịnh Công Thành: *Gia nhập WTO và cải cách chế độ an sinh xã hội Trung Quốc*, Tạp chí Thế giới quản lý, số 4-2002.

nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển quốc tế hoá và toàn cầu hoá kinh tế.

Từ khoá: WTO; An sinh xã hội; Cải cách chế độ.

Nguyễn Thanh Giang dịch

Tóm tắt nội dung:

Gia nhập WTO là con dao hai lưỡi đối với chế độ an sinh xã hội của Trung Quốc, một mặt nó đem đến những thách thức cho việc đề phòng rủi ro và an ninh quĩ, mặt khác nó cũng tạo ra động lực mạnh mẽ cho công cuộc cải cách chế độ an sinh xã hội. Sau khi gia nhập WTO, chế độ an sinh xã hội của Trung Quốc phải đối mặt với nhiều vấn đề, như tình trạng phân hoá xã hội và chênh lệch giàu nghèo ngày càng nghiêm trọng, nộp phí an sinh xã hội làm tăng giá nhân công, chi trả cho an sinh xã hội gây ra áp lực tài chính nặng nề cho chính phủ, hơn nữa tiêu chuẩn lao động quốc tế và luân chuyển sức lao động quốc tế cũng là nhân tố cần được suy nghĩ một cách có trọng điểm trong quá trình Chính phủ Trung Quốc xây dựng và hoàn thiện chế độ an sinh xã hội. Những năm gần đây, Chính phủ Trung Quốc đã áp dụng nhiều biện pháp để hoàn thiện chế độ an sinh xã hội, như việc mở rộng diện bao phủ, nâng cao mức bảo hiểm xã hội, tăng cường nguồn chi tiêu tài chính cho an sinh xã hội và cải thiện cơ chế quản lý an sinh xã hội, mục tiêu là xây dựng nên hệ thống an sinh xã hội nhiều tầng bậc, đa nguyên hoá nguồn tài nguyên, độc lập với các đơn vị hành chính sự nghiệp,